

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHÂN QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 71 /TB-UBND

Nhân Quyền, ngày 27 tháng 04 năm 2022

THÔNG BÁO

VV. Công khai danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Ngày 17/03/2022, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 658/QĐ-UBND về việc công bố danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên dịch vụ công tỉnh Hải Dương, cụ thể đối với UBND xã thực hiện như sau:

1. Danh mục TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: 30 thủ tục.

2. Danh mục TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 dùng chung cho các cấp chính quyền:

- Dùng cho cấp tỉnh, huyện, xã: 03 thủ tục.

- Dùng cho cấp huyện, xã: 01 thủ tục.

(Chi tiết, theo Phụ lục đính kèm).

Danh mục TTHC và Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 17/03/2022 của UBND tỉnh Hải Dương được công khai trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương địa chỉ: <http://dichvucong.haiduong.gov.vn> và cổng điện tử của UBND huyện Bình Giang tại địa chỉ <http://www.binhgiang.gov.vn>, nội dung công khai danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo Thông báo này được công khai trên trang điện tử của UBND xã Nhân Quyền theo địa chỉ: <http://nhanquyen.binhgiang.haiduong.gov.vn>.

UBND xã thông báo để các bộ phận chuyên môn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nắm được và thực hiện.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP, VT xã.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nhựt



PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 TRÊN CÔNG DỊCH VỤ
CÔNG TỈNH HẢI DƯƠNG TẠI XÃ NHÂN QUYỀN
(Kèm theo Thông báo số 41/TB-UBND của UBND xã Nhân Quyền)

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công
1	1.001699.000.00.00.H23	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
2	1.001653.000.00.00.H23	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
3	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
4	1.003554.000.00.00.H23	Hòa giải tranh chấp đất đai
5	1.004837.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký giám hộ
6	1.000894.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn
7	1.004845.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ
8	1.000593.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
9	2.002080.000.00.00.H23	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
10	2.000930.000.00.00.H23	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
11	2.000373.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận hòa giải viên
12	2.002396.000.00.00.H23	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã
13	1.004082.000.00.00.H23	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
14	1.003337.000.00.00.H23	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
15	2.001382.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
16	2.001255.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
17	2.001449.000.00.00.H23	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật
18	2.001457.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật
19	1.000132.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
20	2.000794.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
21	2.000305.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến

22	2.000337.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất
23	2.000346.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
24	1.000748.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình
25	1.000775.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
26	2.001909.000.00.00.H23	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã
27	1.008004.000.00.00.H23	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
28	1.000954.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
29	1.001120.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa
30	2.001801.000.00.00.H23	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã

D. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 DÙNG CHUNG CHO CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Ghi chú
II DÙNG CHO CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ			
1	1.002305.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
2	1.002252.000.00.00.H23	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
3	1.002745.000.00.00.H23	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
III DÙNG CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ			
1	2.000744.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	